

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý I năm 2020

Thực hiện Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 2219/UBND-TH ngày 12/6/2017 về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quý I năm 2020:

Tổng thu ngân sách nhà nước quý I năm 2020 trên địa bàn là 803.994 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 22,97% (803.994 triệu đồng/3.500.000 triệu đồng), trong đó:

- Thu nội địa: 668.879 triệu đồng, đạt 24,77% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (668.879 triệu đồng/2.700.000 triệu đồng).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 135.116 triệu đồng, đạt 16,89% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (135.116 triệu đồng/800.000 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương, quý I năm 2020:

Chi cân đối ngân sách địa phương quý I năm 2020: 779.038 triệu đồng, đạt 18,32% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (779.038 triệu đồng/4.252.541 triệu đồng), trong đó: chi đầu tư thực hiện 100.000 triệu đồng đạt 12,06% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; chi thường xuyên thực hiện 679.038 triệu đồng, đạt 20,48% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (679.038 triệu đồng/3.314.813 triệu đồng);

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 207.895 triệu đồng đạt 9,27% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (207.895 triệu đồng/2.242.927 triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm)

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020././ *hr*

Nơi nhận :

-UBND tỉnh;

-Lưu VT, QLNS, CNMT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường

SỞ TÀI CHÍNH



SỔ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.500.000	803.994	22,97%	57,91%
I	Thu cân đối NSNN	3.500.000	803.994	22,97%	57,91%
1	Thu nội địa	2.700.000	668.879	24,77%	87,29%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	800.000	135.116	16,89%	21,74%
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	6.495.468	986.933	15,19%	85,61%
I	Chi cân đối NSDP	4.252.541	779.038	18,32%	84,68%
1	Chi đầu tư phát triển	828.937	100.000	12,06%	62,37%
2	Chi thường xuyên	3.314.813	679.038	20,48%	89,50%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600	0	0,00%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,00%	
5	Dự phòng ngân sách	82.191	0	0,00%	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	25.000	0	0,00%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.242.927	207.895	9,27%	89,32%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	206.200		0,00%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	37.000		0,00%	



SỞ TÀI CHÍNH

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I-2020

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.500.000	803.994	22,97%	57,91%
I	Thu nội địa	2.700.000	668.879	24,77%	87,29%
1	Thu từ khu vực DNNN	920.000	145.009	15,76%	60,58%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200.000	76.861	38,43%	58,58%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	454.000	163.678	36,05%	145,09%
4	Thuế thu nhập cá nhân	160.000	42.758	26,72%	106,37%
5	Thuế bảo vệ môi trường	370.000	88.900	24,03%	96,84%
6	Lệ phí trước bạ	139.000	25.270	18,18%	92,64%
7	Các loại phí, lệ phí	58.000	17.301	29,83%	96,39%
8	Các khoản thu về nhà, đất	229.000	61.600	26,90%	110,91%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	452	22,61%	83,55%
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	56.456	28,23%	116,53%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	4.692	17,38%	72,91%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	33.000	1.522	4,61%	9,61%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	0	1.476		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	75.000	29.003	38,67%	149,95%
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	4.000	467	11,67%	43,92%
13	Thu khác ngân sách	58.000	15.033	25,92%	108,37%
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	800.000	135.116	25,92%	21,74%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		131.622		21,74%
2	Thuế xuất khẩu		0		
3	Thuế nhập khẩu		3.490		21,51%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		0		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		0		
6	Thu khác		4		
IV	Thu viện trợ	0	0		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.396.290	578.102	24,12%	88,02%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.810.040	427.279	23,61%	83,49%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	586.250	150.904	25,74%	104,09%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I-2020

Đơn vị: Triệu Đồng.

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	6.495.468	986.933	15,19%	85,61%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	4.252.541	779.038	18,32%	84,68%
I	Chi đầu tư phát triển	828.937	100.000	12,06%	62,37%
1	Chi đầu tư cho các dự án	828.937	100.000	12,06%	62,37%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	3.314.813	679.038	20,48%	89,50%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.422.658	272.914	19,18%	97,16%
2	Chi khoa học và công nghệ	21.904	83	0,38%	7,41%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	328.974	52.414	15,93%	69,87%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	34.072	7.155	21,00%	108,60%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.284	2.977	13,36%	102,27%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	15.019	2.412	16,06%	91,29%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	63.050	25.541	40,51%	82,48%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	354.691	74.761	21,08%	61,78%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	769.585	155.080	20,15%	99,67%
10	Chi bảo đảm xã hội	174.236	40.269	23,11%	91,23%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600		0,00%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,00%	
V	Dự phòng ngân sách	82.191		0,00%	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	25.000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.242.927	207.895	9,27%	89,32%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	242.177	40.265	16,63%	260,15%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.512.006	90.000	5,95%	48,20%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	488.744	77.630	15,88%	254,15%